

Số: 3190 /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 05 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đề án đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác
thu hút đầu tư giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29/12/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân;

Căn cứ Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 10/10/2025 của Đại hội Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030;

Căn cứ Quyết định số 1589/QĐ-UBND ngày 29/05/2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 30/3/2026 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng gắn với thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 và các chương trình hành động của Trung ương, của Tỉnh ủy;

Căn cứ Nghị quyết số 763/NQ-UBND ngày 30/9/2026 của UBND tỉnh thông qua nội dung dự thảo Quyết định của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác thu hút đầu tư giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 371/TTr-STC ngày 22/8/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này “Đề án đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác thu hút đầu tư giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk” (sau đây gọi tắt là Đề án), với nội dung cụ thể như sau:

1. Mục tiêu:

- Đổi mới công tác thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo hướng chủ động, chuyên nghiệp, hiện đại, minh bạch và hiệu quả, lấy nhà đầu tư làm trung tâm phục vụ; nâng cao chất lượng môi trường đầu tư, kinh doanh và năng lực cạnh tranh của tỉnh.

- Tập trung thu hút đầu tư vào các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế và khả năng tạo động lực tăng trưởng, gắn với không gian phát triển cao nguyên – duyên hải, nhất là nông nghiệp công nghệ cao và chế biến sâu; công nghiệp chế biến, chế tạo; năng lượng; kinh tế biển, cảng biển, logistics; du lịch, dịch vụ; đô thị; kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Nâng cao hiệu quả hỗ trợ và đồng hành cùng nhà đầu tư, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình chuẩn bị và triển khai dự án; nâng cao tỷ lệ dự án triển khai đúng tiến độ, sử dụng hiệu quả đất đai và các nguồn lực. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về đầu tư, tăng cường phối hợp giữa các sở, ban, ngành và địa phương; chủ động rà soát, xử lý các dự án chậm triển khai, sử dụng nguồn lực kém hiệu quả; tạo quỹ đất và điều kiện cần thiết để thu hút các dự án có chất lượng.

- Góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số trong giai đoạn 2026 - 2030, tạo động lực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển các ngành, lĩnh vực có lợi thế, nâng cao năng lực cạnh tranh và tạo nền tảng để tỉnh Đắk Lắk phát triển nhanh, bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể giai đoạn 2026 - 2030:

- Phần đầu thu hút từ 350 - 400 dự án đầu tư, với tổng vốn đầu tư dự kiến khoảng 01 triệu tỷ đồng;

- Phần đầu thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đạt từ 12 tỷ USD trở lên.

3. Các giải pháp chủ yếu:

3.1. Chuẩn bị điều kiện và nền tảng phục vụ thu hút đầu tư:

- Rà soát, cập nhật và đồng bộ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch ngành, lĩnh vực; xác định rõ khu vực, địa điểm phù hợp để thu hút đầu tư, bảo đảm thống nhất với định hướng phát triển không gian cao nguyên - duyên hải.

- Rà soát, chuẩn bị quỹ đất cho các dự án ưu tiên; từng bước tạo quỹ đất sạch, mặt bằng và các điều kiện hạ tầng thiết yếu tại khu kinh tế, khu, cụm công nghiệp, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu đô thị, du lịch, logistics và các dự án động lực.

- Hằng năm rà soát, cập nhật danh mục dự án thu hút đầu tư theo ngành, lĩnh vực và địa bàn; xác định rõ quy mô, địa điểm, nhu cầu sử dụng đất, tổng vốn dự kiến, yêu cầu về hạ tầng và mức độ sẵn sàng của từng dự án.

- Chuẩn hóa hồ sơ dự án trọng điểm theo hướng đầy đủ thông tin về vị trí, đất đai, quy hoạch, hạ tầng, sản phẩm, công nghệ, vốn đầu tư và các điều kiện thực hiện; ưu tiên chuẩn bị các dự án có khả năng triển khai nhanh và tạo động lực tăng trưởng.

- Xây dựng hệ thống thông tin và Bản đồ số xúc tiến, quản lý đầu tư thống nhất, tích hợp các thông tin về quy hoạch, quỹ đất, hạ tầng, dự án, nhà đầu tư và các điều kiện đầu tư; số hóa, cập nhật và công khai thông tin phù hợp, giúp nhà đầu tư chủ động nghiên cứu, đánh giá địa điểm và cơ hội đầu tư.

3.2. Cải thiện môi trường đầu tư, xúc tiến, hỗ trợ dự án:

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, rà soát, đơn giản hóa và rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục liên quan đến đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường; nâng cao tính minh bạch, ổn định và khả năng dự báo.

- Xác định rõ đầu mối, trách nhiệm và thời hạn xử lý đối với từng thủ tục, hồ sơ và kiến nghị của doanh nghiệp, nhà đầu tư; tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương, hạn chế tình trạng đùn đẩy, kéo dài.

- Chuyển từ xúc tiến đại trà sang xúc tiến có trọng tâm, trọng điểm, theo ngành, lĩnh vực, chuỗi giá trị và nhóm nhà đầu tư mục tiêu; chủ động nghiên cứu, lựa chọn, tiếp cận và kết nối các nhà đầu tư phù hợp.

- Đa dạng hóa phương thức xúc tiến thông qua hội nghị, diễn đàn, khảo sát thực địa, làm việc trực tiếp, trực tuyến và xúc tiến ở nước ngoài; phát huy vai trò của các tổ chức xúc tiến, hiệp hội doanh nghiệp, đối tác và doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn.

- Chuyển từ hỗ trợ theo từng thủ tục sang đồng hành trong suốt vòng đời dự án; thiết lập cơ chế tiếp nhận, theo dõi và xử lý kiến nghị, nhất là đối với các dự án trọng điểm, dự án quy mô lớn.

- Tăng cường quản lý, theo dõi và đánh giá tiến độ thực hiện dự án; rà soát, phân loại dự án theo tình trạng pháp lý, tiến độ và khả năng triển khai; tập trung tháo gỡ khó khăn cho dự án có khả năng thực hiện và xử lý theo quy định đối với dự án chậm triển khai, không có khả năng thực hiện.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tài nguyên, vốn và hạ tầng; ưu tiên các dự án có hiệu quả kinh tế - xã hội cao, tạo giá trị gia tăng, đóng góp ngân sách, tạo việc làm và có khả năng lan tỏa.

3.3. Phát triển hạ tầng, tăng cường liên kết và huy động nguồn lực:

- Ưu tiên nguồn lực phát triển các công trình hạ tầng có tính kết nối và lan tỏa cao, tạo điều kiện hình thành chuỗi liên kết sản xuất - chế biến - logistics - cảng biển, khai thác hiệu quả không gian phát triển cao nguyên - duyên hải.

- Đẩy nhanh phát triển hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, cụm công nghiệp, logistics, cảng biển, sân bay và các tuyến kết nối cao nguyên - duyên hải; chú trọng hạ tầng ngoài hàng rào, cấp điện, cấp nước và hạ tầng xã hội thiết yếu.

- Gắn phát triển hạ tầng với quy hoạch và nhu cầu thu hút đầu tư; ưu tiên các khu vực có khả năng hình thành cụm liên kết ngành, thu hút dự án quy mô lớn và tạo động lực phát triển.

- Tăng cường liên kết giữa khu vực phía Tây và phía Đông, phát huy lợi thế bổ trợ giữa vùng nguyên liệu, sản xuất, chế biến với kinh tế biển, cảng biển, logistics, thương mại và dịch vụ; hình thành các chuỗi giá trị và hành lang kinh tế.

- Đa dạng hóa nguồn lực đầu tư, kết hợp nguồn vốn ngân sách nhà nước với vốn doanh nghiệp, FDI, PPP và các nguồn vốn hợp pháp khác; đẩy mạnh huy động nguồn lực ngoài ngân sách cho hạ tầng và các dự án động lực.

3.4. Phát triển nguồn nhân lực và nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác xúc tiến đầu tư:

- Nâng cao chất lượng đội ngũ làm công tác xúc tiến đầu tư tại Trung tâm Xúc tiến đầu tư tỉnh Đắk Lắk theo hướng chuyên nghiệp, chủ động, am hiểu pháp luật, quy hoạch, đất đai, đầu tư, xây dựng, môi trường và các ngành, lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư của tỉnh.

- Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu theo ngành, lĩnh vực và nhóm nhà đầu tư mục tiêu; tăng cường học tập, trao đổi kinh nghiệm và cập nhật phương thức xúc tiến đầu tư hiện đại.

- Tăng cường học tập, trao đổi kinh nghiệm với các địa phương có kết quả tốt trong thu hút đầu tư; tham gia các chương trình đào tạo, hội nghị, diễn đàn xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước nhằm cập nhật xu hướng đầu tư, mô hình xúc tiến và phương thức tiếp cận nhà đầu tư hiện đại.

- Tăng cường phối hợp giữa Trung tâm Xúc tiến đầu tư với các sở, ban, ngành, địa phương, bảo đảm cán bộ xúc tiến đầu tư có đầy đủ thông tin và khả năng cung cấp nhanh chóng, chính xác các nội dung nhà đầu tư quan tâm; hình thành cơ chế phối hợp và đầu mối hỗ trợ xuyên suốt trong quá trình chuẩn bị và triển khai dự án.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu cung - cầu lao động, dự báo nhu cầu nhân lực; phát triển đào tạo nghề, đào tạo lại, kỹ năng kỹ thuật, kỹ năng số và ngoại ngữ gắn với nhu cầu doanh nghiệp, khuyến khích đào tạo theo đơn đặt hàng và tại chỗ.

- Nghiên cứu giải pháp thu hút chuyên gia, nhà khoa học, quản lý cấp cao và lao động kỹ thuật; đồng thời quan tâm phát triển các điều kiện về nhà ở, y tế, giáo dục, văn hóa và dịch vụ để đáp ứng nhu cầu nhân lực của các dự án.

- Xây dựng văn hóa phục vụ nhà đầu tư chuyên nghiệp, đề cao tinh thần chủ động, trách nhiệm, đồng hành và hỗ trợ nhà đầu tư; chuyển từ phương thức “cung cấp thông tin khi được yêu cầu” sang chủ động tìm kiếm, tiếp cận, tư vấn và kết nối nhà đầu tư phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh.

3.5. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong thu hút đầu tư:

- Xây dựng Bản đồ số xúc tiến đầu tư tích hợp thông tin quy hoạch, quỹ đất, hiện trạng sử dụng đất, hạ tầng giao thông và các hạ tầng thiết yếu; số hóa, cập nhật thường xuyên và công khai trực tuyến, giúp nhà đầu tư chủ động tra cứu, đánh giá địa điểm đầu tư từ xa, chuyển từ “giới thiệu tiềm năng” sang “chuẩn bị điều kiện sẵn sàng”.

- Hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý đầu tư thống nhất, kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, địa phương, khu kinh tế, khu công nghiệp, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và cụm công nghiệp theo phân quyền.

- Chuẩn hóa mã dự án, cấu trúc dữ liệu, biểu mẫu và quy trình cập nhật; phân quyền khai thác, bảo đảm an toàn thông tin, chất lượng dữ liệu và hạn chế trùng lặp trong cập nhật, báo cáo.

- Thiết lập bảng điều hành số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành; cung cấp thông tin tổng hợp về tình hình thu hút đầu tư, danh mục dự án, tiến độ xử lý và các điểm nghẽn cần chỉ đạo.

- Phát triển cổng thông tin đầu tư đa ngôn ngữ và các công cụ số giúp nhà đầu tư tra cứu thông tin, tìm kiếm cơ hội đầu tư, đăng ký làm việc và gửi kiến nghị.

- Ứng dụng phân tích dữ liệu để nghiên cứu, lựa chọn nhà đầu tư mục tiêu, xác định ngành, lĩnh vực ưu tiên và đánh giá hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư.

3.6. Thu hút đầu tư xanh, kinh tế tuần hoàn; thu hút những dự án công nghệ cao và mô hình sản xuất tiên tiến:

- Tập trung thu hút có chọn lọc các dự án đầu tư xanh, công nghệ cao, kinh tế tuần hoàn, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phù hợp với định hướng phát triển bền vững của tỉnh. Ưu tiên các dự án sử dụng công nghệ tiên tiến, tiết kiệm năng lượng, tài nguyên, giảm phát thải, tái chế và tái sử dụng chất thải, phát triển năng lượng sạch, sản xuất thông minh và tạo giá trị gia tăng cao.

- Xây dựng danh mục dự án ưu tiên về công nghệ xanh, kinh tế tuần hoàn, năng lượng tái tạo, xử lý và tái chế chất thải, nông nghiệp thông minh, công nghiệp công nghệ cao, trung tâm dữ liệu, hạ tầng số và các nền tảng đổi mới sáng tạo; chủ động tiếp cận, xúc tiến và mời gọi các tập đoàn, doanh nghiệp có năng lực công nghệ, tài chính và kinh nghiệm quốc tế.

- Đồng thời, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, chuyển đổi số, kết nối với các viện, trường, trung tâm nghiên cứu và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; tăng cường cung cấp dữ liệu số về quy hoạch, đất đai, hạ tầng và danh mục dự án, nâng cao tính minh bạch, khả năng tiếp cận thông tin và mức độ sẵn sàng của dự án, qua đó tạo môi trường thuận lợi để thu hút dòng vốn đầu tư xanh, chất lượng cao và có khả năng lan tỏa.

- Lồng ghép tiêu chí công nghệ, môi trường, hiệu quả tài nguyên và mức độ đổi mới sáng tạo trong quá trình xem xét, lựa chọn và thu hút dự án; hạn chế các dự án công nghệ lạc hậu, tiêu hao nhiều tài nguyên và có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

3.7. Tăng cường liên kết, hợp tác và nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư:

- Tăng cường hợp tác với các bộ, ngành Trung ương, địa phương, tổ chức xúc tiến đầu tư, hiệp hội doanh nghiệp và các đối tác trong, ngoài nước để mở rộng quan hệ hợp tác và huy động nguồn lực.

- Phát huy vai trò của doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn trong phát triển nhà cung cấp, hình thành chuỗi liên kết, thu hút dự án vệ tinh và mở rộng đầu tư.

- Chủ động kết nối các nhà đầu tư lớn với doanh nghiệp trong tỉnh, thúc đẩy liên kết sản xuất, chế biến, logistics và tiêu thụ sản phẩm; từng bước hình thành hệ sinh thái doanh nghiệp và chuỗi giá trị.

- Đa dạng hóa nguồn lực đầu tư, kết hợp hiệu quả nguồn vốn nhà nước với vốn doanh nghiệp, FDI, PPP và các nguồn vốn hợp pháp khác; tập trung nguồn lực cho các dự án động lực, dự án hạ tầng trọng điểm và dự án có tính liên kết, lan tỏa cao.

- Xây dựng cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin và phân công trách nhiệm giữa các cơ quan, địa phương, tổ chức xúc tiến và cộng đồng doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả kết nối và huy động nguồn lực đầu tư

Điều 2: Kinh phí thực hiện

Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện Đề án đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác thu hút đầu tư giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk dự kiến khoảng 47.572.000.000 đồng, trong đó:

- Năm 2026: khoảng 8.172.000.000 đồng (gồm 5.672.000.000 đồng được bố trí trong nguồn kinh phí thực hiện Chương trình xúc tiến đầu tư năm 2026 và khoảng 2.500.000.000 đồng dự kiến thực hiện 03 Đoàn xúc tiến đầu tư ra nước ngoài, chưa được bố trí trong dự toán, sẽ thực hiện trên cơ sở được cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt và bố trí kinh phí theo quy định).

- Năm 2027: khoảng 9.400.000.000 đồng;

- Năm 2028: khoảng 9.500.000.000 đồng;

- Năm 2029: khoảng 10.000.000.000 đồng;

- Năm 2030: khoảng 10.500.000.000 đồng.

Kinh phí được phân bổ theo 08 nhóm nội dung hoạt động xúc tiến đầu tư, gắn với các phương thức xúc tiến đầu tư quy định tại Điều 81 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, trong phạm vi dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Hằng năm, căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án, Chương trình xúc tiến đầu tư của tỉnh, khả năng cân đối ngân sách và ý kiến thống nhất của Bộ Tài chính theo quy định, cơ quan chủ trì xây dựng dự toán kinh phí chi tiết theo từng hoạt động, nhiệm vụ trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; bảo đảm kinh phí được bố trí đúng mục tiêu, tiết kiệm, hiệu quả và gắn với kết quả đầu ra.

Kinh phí nêu trên là khung dự kiến làm cơ sở xây dựng dự toán và bố trí nguồn lực hằng năm, không phải mức cấp kinh phí cố định; mức kinh phí thực tế từng năm được quyết định theo khả năng cân đối ngân sách và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Tài chính:

- Là cơ quan đầu mối tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai Đề án; chủ trì theo dõi, đôn đốc, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện; tham mưu kế hoạch triển khai hằng năm, danh mục dự án và các hoạt động xúc tiến, thu hút, hỗ trợ đầu tư.

- Chủ trì tổng hợp tình hình, tham mưu tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; đề xuất cơ chế, chính sách cải thiện môi trường đầu tư; xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ xúc tiến và quản lý dự án; tổng hợp nhu cầu kinh phí, tổ chức sơ kết, tổng kết và báo cáo UBND tỉnh.

2. Ban Quản lý các khu kinh tế và các khu công nghiệp Đắc Lắc

- Chủ trì quản lý nhà nước, phát triển và thu hút đầu tư trong khu kinh tế, khu công nghiệp, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo thẩm quyền; làm đầu mối hỗ trợ, đồng hành cùng nhà đầu tư.

- Tập trung thu hút các dự án quy mô, công nghệ cao, công nghiệp chế biến sâu, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp xanh, logistics, kinh tế biển và nông nghiệp công nghệ cao, phù hợp quy hoạch, có hiệu quả, giá trị gia tăng và tính lan tỏa cao; phát triển khu công nghiệp theo hướng hiện đại, sinh thái, bền vững, không thu hút dự án công nghệ lạc hậu, nguy cơ ô nhiễm cao.

- Chủ động chuẩn bị, công khai thông tin về quỹ đất, mặt bằng, hạ tầng và danh mục dự án kêu gọi đầu tư; hướng dẫn, hỗ trợ thủ tục, phối hợp tháo gỡ khó khăn cho nhà đầu tư. Theo dõi tiến độ, hiệu quả sử dụng đất và việc thực hiện cam kết của dự án; kịp thời xử lý dự án chậm triển khai, sử dụng đất không hiệu quả.

- Tích hợp, cập nhật dữ liệu dự án vào hệ thống dữ liệu quản trị đầu tư chung của tỉnh phục vụ xúc tiến, quản lý và đánh giá hiệu quả đầu tư.

3. Các sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan:

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, chủ động triển khai các nhiệm vụ của Đề án; phối hợp xúc tiến, thu hút và hỗ trợ đầu tư theo ngành, lĩnh vực; cung cấp thông tin về quy hoạch, đất đai, quỹ đất, hạ tầng, nguồn nhân lực và các điều kiện đầu tư.

- Tập trung tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh thủ tục và tiến độ dự án; ưu tiên thu hút đầu tư vào các lĩnh vực có lợi thế, công nghệ cao, chế biến sâu, xanh, bền vững, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, logistics, du lịch và dịch vụ chất lượng cao.

- Theo dõi, kiểm tra việc triển khai dự án thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý; kịp thời xử lý hoặc tham mưu xử lý các dự án chậm tiến độ, sử dụng nguồn lực kém hiệu quả hoặc không thực hiện đúng cam kết; phối hợp cập nhật cơ sở dữ liệu đầu tư của tỉnh.

4. UBND các xã, phường:

- Chủ động rà soát tiềm năng, lợi thế, quỹ đất và đề xuất dự án thu hút đầu tư phù hợp quy hoạch; cung cấp thông tin, hỗ trợ nhà đầu tư khảo sát, lựa chọn địa điểm và triển khai dự án.

- Phối hợp thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng; chủ động hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư trong phạm vi thẩm quyền, xác định đầu mối phối hợp với cơ quan cấp tỉnh và thực hiện cơ chế “luồng xanh” theo quy định.

- Kịp thời báo cáo, đề xuất xử lý khó khăn, vướng mắc; phối hợp theo dõi tiến độ, hiệu quả thực hiện các dự án trên địa bàn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *trai*

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (*báo cáo*);
- Thường trực Tỉnh ủy (*báo cáo*);
- Thường trực HĐND tỉnh (*báo cáo*);
- Đảng ủy UBND tỉnh (*báo cáo*);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Các phòng, ban, TT thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, ĐTKT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thiên Văn